

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 01 - 2026

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình

Ông Lưu Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Tổng Thị Kim T1, sinh năm 1988 (có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn F, xã T, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Tổng Thị Kim T1 ngày 06/11/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã B, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà tại thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) sinh sống. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô sát. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên đầu năm 2025, anh đã dọn ra ngoài ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay; trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay,

anh xác định không còn tình cảm với chị T1, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30/12/2015 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/9/2017. Hiện nay cháu Đ và cháu N đang ở cùng chị T1. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh Đ, để chị T1 được nuôi cháu Nguyễn Bảo N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Tống Thị Kim T1 trình bày: Chị thống nhất về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống như anh T trình bày là đúng. Theo chị vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là từ tháng 01/2025, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên xảy ra xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 3/2025, anh T đã dọn ra ngoài ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay; trong thời gian ly thân chị đã chủ động nhiều lần hàn gắn tình cảm, nhưng không thành. Nay, anh T có đơn xin ly hôn, chị đề nghị được đoàn tụ để các con có cả bố và mẹ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30/12/2015 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/9/2017. Hiện nay cháu Đ và cháu N đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Minh Đ, để anh T nuôi cháu Nguyễn Bảo N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, cho anh T được ly hôn chị Tống Thị Kim T1. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Nguyễn Minh Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Tống Thị Kim T1 và giải quyết về con chung; bị đơn chị Tống Thị Kim T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn F, xã T, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án

là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Tống Thị Kim T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 là do hai bên không hợp tính nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát. Mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 xảy ra trong thời gian dài và anh chị không còn chung sống cùng nhau từ đầu năm 2025 cho đến hiện nay; trong thời gian sống ly thân, chị T1 đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T1 đề nghị được đoàn tụ để các con có đủ bố và mẹ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần giữa anh T và chị T1; tuy nhiên tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh T xác định không còn tình cảm với chị T1 và kiên quyết đề nghị được ly hôn chị T1. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị T1 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30/12/2015 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/9/2017. Hiện nay cháu Đ và cháu N đang ở cùng chị T1.

Ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh Đ, để chị T1 trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo N.

Ly hôn, chị T1 đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh Đ, để anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo N.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh T và chị T1 là chính đáng, anh T và chị T1 đều có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, chi phí ăn, học và nuôi dưỡng các con cho đến khi thành niên là rất lớn. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con, cần giao cho anh T và chị T1 mỗi người được nuôi một con. Đối với cháu Bảo N là nữ giới, còn nhỏ tuổi cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Bảo N cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Minh Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh T và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Tống Thị Kim T1.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 30/12/2015. Chị Tống Thị Kim T1 được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/9/2017. Anh Nguyễn Văn T và chị Tống Thị Kim T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu số 0003916, ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Phú Thọ; anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 9 - Phú Thọ;
- UBND xã Tam Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh

